

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **420/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 03/7/2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Lý Thị M**, sinh năm 1967 – Có mặt.

Địa chỉ: Số 3C25/12 ấp 3, xã Phạm V, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huyền Tr – Luật sư Công ty luật TNHH Nam Trí V (thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh) – Có mặt.

*Bị đơn:* Ông **Tăng Hữu Ph**, sinh năm 1960 – Có mặt.

Địa chỉ: Số 3C25/19A ấp 3, xã Phạm V, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong Đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 15/11/2019, bản tự khai ngày 14/02/2020, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/02/2020 và biên bản hòa giải ngày 14/02/2020 và biên bản hòa giải ngày 10/6/2020, nguyên đơn bà Lý Thị M trình bày:***

Bà M và ông Tăng Hữu Ph chung sống với nhau từ năm 2002, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh

M, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau. Nguyên nhân là do ông Ph thường xuyên xúc phạm bà chỗ đông người, nghi ngờ bà M có quan hệ tình cảm với người khác, ghen tuông vô cớ. Bà Lý Thị M và ông Tăng Hữu Ph đã sống ly thân khoảng 03 (ba) tháng nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà Lý Thị M yêu cầu được ly hôn với ông Tăng Hữu Ph.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Tăng Thị Thanh T (nữ), sinh ngày 23/11/2005. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn ông Tăng Hữu Ph trình bày trong bản tự khai ngày 14/02/2020, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/02/2020 và biên bản hòa giải ngày 14/02/2020 và biên bản hòa giải ngày 10/6/2020 như sau:***

Ông Ph và bà Lý Thị M chung sống với nhau từ năm 2002, không có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh M, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01. Thời gian đầu ông bà chung sống bình thường, không có gì xảy ra. Đến năm 2015, vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Ph nghi ngờ bà M ngoại tình; ông Ph phải chở bà M đi làm và cũng có khuyên bảo nên mới giữ được hạnh phúc gia đình. Cách nay khoảng 03 (ba) tháng, bà M và ông mâu thuẫn, đánh nhau rồi bà M dọn đồ bỏ ra thuê nhà trọ ở cho đến nay. Ông Ph vẫn còn thương vợ thương con, mong muốn con có đủ cha đủ mẹ nên ông Tăng Hữu Ph không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lý Thị M.

Về con chung: Ông Tăng Hữu Ph và bà Lý Thị M chung sống có 01 con chung tên là Tăng Thị Thanh T (nữ), sinh ngày 23/11/2005. Do ông không đồng ý ly hôn nên ông không có ý kiến về vấn đề giao con chung cho ai, ai cấp dưỡng. Hiện nay cháu Tuyền đang sống cùng với bà M.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tăng Hữu Ph xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **Tại phiên tòa:**

1. Nguyên đơn bà Lý Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung giữa bà M và ông Tăng Hữu Ph.

2. Bị đơn ông Tăng Hữu Ph vẫn không đồng ý ly hôn với bà M vì không muốn con chung phải chịu cảnh không có cha mẹ.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Thị Huyền Trang trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, xét thấy mục đích của hôn nhân giữa bà M và ông Ph là hạnh phúc không còn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến như sau:

+ Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung của bà Lý Thị M đối với ông Tăng Hữu Ph.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bà Lý Thị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Tăng Hữu Ph. Căn cứ vào Phiếu trao đổi thông tin về nơi cư trú ngày 16/12/2019 thì Công an xã Phạm V xác nhận ông Tăng Hữu Ph đang cư ngụ tại địa chỉ 3C25/12 ấp 3, xã Phạm V, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tăng Hữu Ph trình bày: Hiện nay ông Ph đang cư trú tại địa chỉ 3C25/19A ấp 3, xã Phạm V, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

*[2]- Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:*

*[2.1]- Về quan hệ hôn nhân:*

Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Thanh M, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 05/8/2003 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị M và ông Tăng Hữu Ph là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào lời trình bày của hai bên đương sự cho thấy: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà M và ông Ph thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi vã, xúc phạm và dẫn đến đánh nhau. Nguyên nhân là do ông Ph cho rằng bà M có quan hệ tình cảm với người khác, ghen tuông vô cớ. Vì vậy bà M và ông Ph đã sống ly thân khoảng hơn 03 (ba) tháng nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông Ph. Ông Ph khẳng định dù bà M có ngoại tình nhưng ông Ph mong muốn con có đủ cha đủ mẹ nên ông Ph không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M.

Căn cứ vào Công văn số 284/UBND ngày 18/02/2020 của Ủy ban nhân dân xã Phạm V, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh về việc trả lời kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của bà Lý Thị M và ông Tăng Hữu Ph thì: "*Ủy ban nhân dân xã Phạm V không nắm được thông tin về cuộc sống hôn nhân của bà Lý Thị M và ông Tăng Hữu Ph vì không có tiến hành giải quyết mâu thuẫn giữa bà M và ông Ph*". Tuy nhiên, căn cứ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 1066/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, chứng tỏ bà Lý Thị M đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Tăng Hữu Ph nhưng sau đó bà M đã tự nguyện rút đơn yêu cầu ly hôn vào năm 2019. Điều này chứng tỏ bà M có ý xây dựng lại gia đình nhưng không thành, từ đó đến nay bà M không thể chịu đựng thêm nữa nên nhất quyết ly hôn.

Từ những căn cứ trên cho thấy bà Lý Thị M và ông Tăng Hữu Ph không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa, hiện nay mỗi người sống mỗi nơi, cả hai đã ly thân hơn 03 tháng nay. Mục đích hôn nhân giữa bà M và ông Ph đã không còn, bà M không muốn chung sống với ông Ph nữa.

Tuy rằng, ông Ph không đồng ý ly hôn với bà M nhưng quá trình Tòa án tiến hành hòa giải và tại phiên tòa, ông Ph không đưa ra được biện pháp cụ thể nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, cũng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà M qua việc liên tục chửi bới, và cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do lỗi của bà M. Ông Ph một mực khẳng định bà M có quan hệ tình cảm với người khác nhưng lại không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông. Như vậy, ông Ph đã không chứng minh được cho lời trình bày cũng như yêu cầu đoàn tụ của mình, nên ông Ph phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những căn cứ và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Lý Thị M yêu cầu ly hôn với ông Tăng Hữu Ph là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Thị Huyền Trang, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị M đối với ông Tăng Hữu Ph là có cơ sở chấp nhận.

*[2.2]- Về con chung:*

Quá trình chung sống bà Lý Thị M và ông Tăng Hữu Ph có 01 con chung tên là Tăng Thị Thanh T (nữ), sinh ngày 23/11/2005. Khi ly hôn, bà Lý Thị M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì con chung đã sống cùng với bà Lý Thị M từ nhỏ, kể cả trong thời gian bà Lý Thị M và ông Tăng Hữu Ph sống ly thân. Mặt khác, căn cứ bản tự khai ngày 14/02/2020 thì trẻ Tăng Thị Thanh T (nữ), sinh ngày 23/11/2005 có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Lý Thị M. Tại phiên tòa ông Tăng Hữu Ph trình bày: Do ông không đồng ý ly hôn nên ông không có ý kiến về vấn đề con chung. Xét thấy nguyện vọng của bà Lý Thị M về con chung là phù hợp với nguyện vọng của trẻ T và cũng thuận lợi nhất cho trẻ vì bà M là mẹ nên gần gũi và chăm sóc con gái tốt hơn ông Tăng Hữu Ph. Ông Tăng Hữu Ph không đưa ra ý kiến về vấn đề con chung sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp về vấn đề con chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lý Thị M về con chung, cụ thể là: Giao trẻ Tăng Thị Thanh T (nữ), sinh ngày 23/11/2005 cho bà Lý Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lý Thị M về việc không yêu cầu ông Tăng Hữu Ph cấp dưỡng nuôi con.

*[2.3]- Về tài sản chung:*

Bà Lý Thị M xác định bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung.

Ông Tăng Hữu Ph cũng xác định ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung.

Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa bà Lý Thị M và ông Tăng Hữu Ph. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

*[2.4]- Về nợ chung:*

Bà Lý Thị M xác định bà và ông Ph trong quá trình chung sống không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Tăng Hữu Ph cũng xác định ông và bà M không nợ ai.

Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa bà Lý Thị M và ông Tăng Hữu Ph. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

*[3]- Về án phí:*

Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Lý Thị M phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị M đối với ông Tăng Hữu Ph.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị M và ông Tăng Hữu Ph chấm dứt. Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Thanh M, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 05/8/2003 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Giao con chung tên là Tăng Thị Thanh T (nữ), sinh ngày 23/11/2005 cho bà Lý Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Tăng Hữu Ph do bà Lý Thị M có khả năng và không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Lý Thị M và ông Tăng Hữu Ph đều xác nhận bà M và ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa bà Lý Thị M và ông Tăng Hữu Ph. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà Lý Thị M và ông Tăng Hữu Ph đều xác nhận bà M và ông Ph chung sống không nợ ai. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa bà Lý Thị M và ông Tăng Hữu Ph. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lý Thị M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0079203 ngày 03/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lý Thị M đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Về quyền kháng cáo: Bà Lý Thị M và ông Tăng Hữu Ph có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sự (4);
- UBND xã Thanh M, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Huyền**